

**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG**

Số: 140 /VSDTTU – KHQT  
V/v: mời cung cấp báo giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc.**

Hà Nội, ngày 7 tháng 7 năm 2021.

**Kính gửi: Các đơn vị cung cấp trang thiết bị và sinh phẩm y tế**

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương xin trân trọng cảm ơn các đơn vị kinh doanh, cung cấp trang thiết bị và sinh phẩm y tế đã hợp tác với Viện trong thời gian qua.

Hiện nay, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương đang có nhu cầu mua sắm danh mục hàng hóa để thực hiện các hoạt động chuyên môn của Viện (chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục 1 đính kèm).

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp gửi báo giá để Viện có cơ sở tổng hợp, lập danh mục mua sắm trên.

Báo giá xin gửi qua đường văn thư về Viện theo thông tin sau:

Đơn vị nhận báo giá: Phòng Kế hoạch - Hợp tác quốc tế, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, số 1 Yecxanh, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Thời gian nhận báo giá từ ngày 7 tháng 7 năm 2021 đến ngày 12 tháng 7 năm 2021.

Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

1. Thư chào giá theo mẫu báo giá tại phụ lục 2 đính kèm.
2. Catalog, cấu hình tính năng kỹ thuật chi tiết của hàng hóa và các tài liệu làm căn cứ phân nhóm thiết bị theo quy định tại Thông tư 14/2020/TT-BYT nếu có.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

**Nơi gửi:**

- Nhu trên
- Website Viện VSDTTU
- Lưu VT, KHQT





**PHỤ LỤC 1: BIỂU MẪU BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN HÀNG HÓA VÀ CHÀO GIÁ**

**(Kèm theo Công văn số 114/C/VSDTTU ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)**

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hàng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)	(9)	(10)
	<i>Gói 1. Mua bộ kit tách chiết ADN/ARN bằng công nghệ hạt từ</i>								
1	Bộ kit tách chiết ADN/ARN bằng công nghệ hạt từ				2000 test/bộ	10			
	<i>Gói 2. Sinh phẩm, vật tư thực hiện xét nghiệm Realtime RT-PCR</i>								
1	Sinh phẩm tách chiết RNA vi rút				Hộp 250 phần ứng	12			
2	Sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime PCR				500 phản ứng/Hộp	27			
3	Cặp mồi				Óng 200nmol	32			

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
4	Đầu dò			Óng 200nmol	32				
5	Cặp mồi-dầu dò gen E			Hộp 96 phản ứng	20				
6	Cặp mồi-dầu dò gen RdRp			Hộp 96 phản ứng	10				
7	Còn tuyệt đối			Chai 2,5 lit	10				
8	Đầu tip có lọc tiệt trùng 10ul			Thùng 960 chiếc	31				
9	Đầu tip có lọc 20ul tiệt trùng			Thùng 960 chiếc	6				
10	Đầu tip có lọc tiệt trùng 200ul			Thùng 960 chiếc	11				
11	Đầu tip có lọc tiệt trùng 1000ul			Thùng 768 chiếc	54				
12	Tuýp 1.7ml			Thùng 5000 chiếc	6				
13	Tuýp PCR 0.1ml (8 tube/1 thanh)			Hộp 120 thanh 8 tuýp	20				
14	Tuýp PCR 0.2 ml (8 tube/1 thanh)			Hộp 120 thanh 8 tuýp	10				

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hàng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
15	Tuýp 2 ml (đáy tròn)			Thùng	5000 chiếc	10			
16	Tube 15ml tiệt trùng			Hộp	500 chiếc	21			
17	Tube 50ml tiệt trùng			Hộp	500 chiếc	1			
18	Hộp đựng mẫu 100 vị trí			Chiếc					
19	Giấy thấm			Gói	400				
	Gói 3. Hoá chất, sinh phẩm, vật tư giải trình tự gen vi rút SARS-CoV2								
1	Kit tổng hợp cDNA			Kit	50 phản ứng	15			
2	Kit phản ứng hiệu suất cao dùng cho chạy phản ứng PCR			Hộp	500 phản ứng	5			

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hàng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
3	Kit giải trình tự NGS cho virus SARS-CoV-2			Kit 96 phản ứng	5				
4	Kit chạy PCR độ đặc hiệu bằng ánh sáng xanh			Hộp 500 phản ứng	15				
5	Kit chuẩn bị thư viện DNA			Hộp 96 phản ứng	5				
6	Kit chạy máy giải trình tự gen cho máy MiSeq			Hộp 300 cycles	10				
7	Bộ kit giải trình tự NGS cho SARS-CoV-2			Kit 24 phản ứng	10				
8	Nước dùng cho sinh học phân tử			Chai 1 lit	5				
9	Muối đậm điện di Tris-acetate-EDTA 50X			Chai 1 lit	3				
10	NaOH			Hộp 1kg	1				

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hàng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
11	Tube 0.5ml cho máy đo huỳnh quang			Gói	500 chiếc	10			
12	Ông Cryogenic 2ml			Túi	50 cái	10			
13	Sinh phẩm định lượng nồng độ ADN chuỗi đối, sử dụng trên máy Qubit 4.0			Bộ	500 test	1			
	<b>Gói 4. Sinh phẩm, hóa chất cho xét nghiệm miễn dịch té bào SARS-CoV-2</b>								
1	Kháng thể CD4 gắn màu Vioblue			Ông	100 phản ứng	3			
2	Kháng thể CD197 gắn màu FITC			Ông	100 phản ứng	1			
3	Hóa chất kích hoạt té bào T, PepTivator SARS-CoV-2 Prot_S			Ông	6nmol	3			

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hàng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
	B.1.351 Mutation Pool								
4	Hóa chất kích hoạt tế bào T, PepTrivator SARS-CoV-2 Prot_S B.1.351 WT Reference Pool			Óng 6nmol	3				
5	Kit ELISpot định lượng Human IFNy ELISpot BASIC kit (ALP) -sử dụng cho 4 đĩa			Bộ 3 ống (600µl, 50µl, 50µl)	3				
6	Kit ELISpot định lượng Human IL-5 ELISpot BASIC kit (ALP) - sử dụng cho 4 đĩa			Bộ 3 ống (600µl, 50µl, 50µl)	3				
7	Kit sử dụng cho đánh giá kháng thể trung hòa SARS-CoV2			Hộp 96 phản ứng	5				

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hàng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
8	Dung dịch Ficoll Paque Plus, sử dụng cho tách tế bào bạch cầu đơn nhân từ mẫu máu			Hộp 6 x 100mL	1				
9	Môi trường nuôi cấy tế bào RPMI 1640, được sản xuất với L-glutamine, sử dụng cho tế bào lớp đơn liên tục mL			Chai 500ml	6				
10	Bột pha môi trường RPMI 1640, được sản xuất với L-glutamine			Lọ 104g	6				
11	Dung dịch Dimethyl sulfoxide, sử dụng cho bảo quản tế bào trong môi trường âm sâu (nitơ lỏng)			Lọ 50ml	1				

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Hàng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Ghi chú
12	Dung dịch kháng sinh, kháng nấm, sử dụng để bổ sung vào dung dịch nuôi cấy tế bào, 100ml			Lọ 100ml	10				

- + (8): Phân nhóm theo thông tư 14/2020 là phân nhóm hàng hóa, thiết bị theo quy định tại thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế. Hàng hóa được phân vào nhóm nào thì giải thích tại sao, kèm tài liệu chứng minh.
- + Quý công ty có thể chào 1 hoặc nhiều danh mục hàng hóa.
- + Quý công ty nếu thiếu các thông tin theo quy định về hàng hóa thì bản chào giá của đơn vị sẽ không được chấp nhận.



**PHỤ LỤC 2 TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT**

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
<b>Gói 1. Kit tách chiết ADN/ARN bằng công nghệ hạt từ</b>		
1	Bộ kit tách chiết ADN/ARN bằng công nghệ hạt từ	<p>1. Mục đích sử dụng: Bộ kit thiết kế để thu hồi RNA và DNA từ môi trường vận chuyển Virus.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Kit có thể tích hợp chạy tự động trên hệ thống máy KingFisher tách chiết tự động (kết hợp với vật tư tiêu hao) hoặc sử dụng phương pháp tách thủ công có sử dụng giá từ.</li> </ul> <p>2. Thành phần bộ kit:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 550 mL Binding Solution;</li> <li>+ 1.000 mL Wash Solution;</li> <li>+ 20 mL MVP II Binding Beads;</li> <li>+ 10 mL Proteinase K;</li> <li>+ 100 mL Elution Buffer;</li> <li>+ Đĩa 96 giếng sâu, đáy chữ V, vật liệu từ polypropylene: 125 đĩa.</li> <li>+ Luộc nhựa bọc phía ngoài đầu từ 96 vị trí cho đĩa giếng sâu 96 vị trí, vật liệu từ polypropylene: 26 chiếc.</li> <li>+ Đĩa KingFisher 96 vị trí, loại thê tích làm việc 200 uL, vật liệu từ polypropylene: 26 chiếc.</li> </ul> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.</p>
<b>Gói 2. Sinh phẩm, vật tư thực hiện xét nghiệm Realtime RT-PCT</b>		
1	Sinh phẩm tách chiết RNA vi rút	<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ nhiều nguồn mẫu khác nhau gồm: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, dịch nôi tế bào nuôi cấy.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cột lọc: 250 cột</li> <li>- Ông hứng dịch: 750 chiếc</li> <li>- Dụng ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai</li> <li>- Dụng rửa Buffer AW1: 98ml</li> <li>- Dụng rửa Buffer AW2: 66ml</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
2	Sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime PCR	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống</li> <li>- Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống</li> <li>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</li> <li>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</li> </ul> <p>1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR</p> <p>2. Thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 500 µl SuperScript III/Platinum Taq Mix</li> <li>- 12.5 ml 2X Reaction Mix</li> <li>- 2 × 1 ml Magnesium Sulfate (50 mM)</li> <li>- 500 µl ROX Reference Dye (25 µM)</li> </ul> <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mồi (nucleotide)</li> <li>- Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid</li> <li>- Nồng độ 200nM, dạng đông khô.</li> </ul> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>
3	Cặp mồi	<p>1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng PCR</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nucleotide gắn huỳnh quang</li> <li>- Nồng độ 200nM</li> </ul> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>
4	Đầu dò	<p>1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng PCR</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nucleotide gắn huỳnh quang</li> <li>- Nồng độ 200nM</li> </ul> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>
5	Cặp mồi-dầu dò gen E	<p>1. Mô tả: Trình tự mồi tổng hợp gen để phát hiện COVID-19 theo trình tự khuyễn cáo của Berlin -WHO</p> <p>Bộ kit RT-PCR phát hiện E gene của virus SARS-CoV-2 bao gồm chứng tách chiết EAV RNA</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 Vial yellow cap 96 reactions CoV (lyophilized)</li> <li>- 1 Vial black cap DNA Positive Control Cp ~ 30</li> <li>- 1 Vial white cap EAV extraction control target</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
6	Căp mồi-dầu dò gen RdRp	<p>3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>1. Mô tả: Trình tự mồi tổng hợp gen để phát hiện COVID-19 theo trình tự khuyên cáo của Berlin - WHO Mồi và đầu dò đặc hiệu cho phần ứng RT-PCR - RdRP gen</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 Vial yellow cap 96 reactions CoV (lyophilized)</li> <li>- 1 Vial black cap DNA Positive Control Cp ~ 30</li> </ul> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>
7	Cồn tuyệt đối	<p>1. Mô tả: Cồn tuyệt đối dùng cho các ứng dụng sinh học phân tử 2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ tinh khiết: ≥ 99%</li> <li>- Công thức hóa học: C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH</li> <li>- Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol</li> </ul> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 4. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p>
8	Đầu tip có lọc tiệt trùng 10ul	<p>1. Thành phần, đặc điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiết trùng</li> <li>- Không chứa DNase/RNase, human DNA, pyrogenic</li> <li>- Không bám dính hóa chất khi hút</li> <li>- Loại nhựa trong, có vạch chia thể tích, thể tích hút tối đa 10 µl</li> <li>- Đầu hút nhọn</li> </ul> <p>2. Hạn sử dụng: 12 tháng 3. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng</p>
9	Đầu tip có lọc 20ul tiệt trùng	<p>1. Thành phần, đặc điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiết trùng</li> <li>- Không chứa DNase/RNase, human DNA, pyrogenic</li> <li>- Không bám dính hóa chất khi hút</li> <li>- Loại nhựa trong, có vạch chia thể tích, thể tích hút 20 µl</li> <li>- Đầu hút nhọn</li> </ul> <p>2. Hạn sử dụng: 12 tháng 3. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng</p>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
10	Dầu tip có lọc tiệt trùng 200ul	<p>1. Thành phần, đặc điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiệt trùng, công nghệ low-binding(chống bám dính) DNase/RNase-free, human DNA-free, non-pyrogenic</li> <li>- Không bám dính hóa chất khi hút</li> <li>- Loại nhựa trong, có vạch chia thể tích, thể tích hút tối đa 200 <math>\mu</math>l</li> </ul> <p>2. Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>3. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng</p> <p>1. Thành phần, đặc điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiệt trùng, công nghệ low-binding(chống bám dính) DNase/RNase-free, human DNA-free, non-pyrogenic</li> <li>- Không bám dính hóa chất khi hút</li> <li>- Loại nhựa trong, có vạch chia thể tích, thể tích hút tối đa 200 <math>\mu</math>l</li> </ul> <p>2. Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>3. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng</p>
11	Dầu tip có lọc tiệt trùng 1000ul	<p>1. Thành phần, đặc điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiệt trùng, công nghệ low-binding(chống bám dính) DNase/RNase-free, human DNA-free, non-pyrogenic</li> <li>- Không bám dính hóa chất khi hút</li> <li>- Loại nhựa trong, có vạch chia thể tích, thể tích hút tối đa 1000 <math>\mu</math>l</li> </ul> <p>2. Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>3. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng</p>
12	Tuýp 1.7ml	<p>1. Mô tả: Ống ly tâm effendorf 1,7ml</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích 1,7ml, nắp bật, đáy nhọn, chịu được lực ly tâm 17.000g</li> <li>- Chất liệu plastic, không chứa Dnase/RNase và pyrogen</li> </ul> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p> <p>1. Mục đích sử dụng: Tube PCR 0.1ml, nắp phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR</p> <p>2.Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài tuýp PCR thể tích 0.1 ml,</li> <li>- Dạng 8 ống/dây (8 tuýp/1 thanh)</li> <li>- Tuýp làm bằng nhựa Polypropylene</li> </ul> <p>3.Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>4. Bảo quản: 20-25°C</p>
13	Tuýp PCR 0.1ml (8 tube/1thanh)	<p>1. Mục đích sử dụng: Tube PCR 0.1ml, nắp phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR</p> <p>2.Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài tuýp PCR thể tích 0.2 ml,</li> <li>- Dạng 8 ống/dây ( 8 tuýp/1 thanh)</li> <li>- Tuýp làm bằng nhựa Polypropylene</li> </ul> <p>3.Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>4. Bảo quản: 20-25°C</p>
14	Tuýp PCR 0.2 ml (8 tube/1thanh)	<p>1. Mục đích sử dụng: Tube PCR 0.1ml, nắp phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR</p> <p>2.Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài tuýp PCR thể tích 0.2 ml,</li> <li>- Dạng 8 ống/dây ( 8 tuýp/1 thanh)</li> <li>- Tuýp làm bằng nhựa Polypropylene</li> </ul> <p>3.Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>4. Bảo quản: 20-25°C</p>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
15	Túýp 2 ml (đáy tròn)	<p>1. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống ly tâm 2 ml bằng nhựa Polypropylene, đáy tròn</li> <li>- Thể tích 2 ml</li> <li>- Chịu lực ly tâm: 20,000 x G</li> <li>- Không chứa ATP, RNase/DNase và Endotoxin (non-pyrogenic)</li> </ul> <p>2. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>
16	Tube 15ml tiệt trùng	<p>1. Mô tả: Tube ly tâm 15ml đáy nhọn, nắp vặn</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích chứa tối đa: 15ml</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bằng nhựa polystyrene</li> <li>- Chịu lực ly tâm tối đa 12500 x g</li> <li>- Có vạch chia thể tích</li> </ul> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>
17	Tube 50ml tiệt trùng	<p>1. Mô tả: Tube ly tâm 50ml đáy nhọn, nắp vặn</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích chứa tối đa: 50ml</li> <li>- Tiệt trùng</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bằng nhựa polystyrene</li> <li>- Chịu lực ly tâm tối đa 15500 x g</li> <li>- Có vạch chia thể tích</li> </ul> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>
18	Hộp đựng mẫu 100 vị trí	<p>1: Mục đích sử dụng: Dùng trong quá trình bảo quản mẫu, giá đựng cho ống</p> <p>2. Đặc điểm, thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộp giấy 100 vị trí</li> </ul> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p> <p>4. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p>
19	Giấy thấm	<p>1: Mục đích sử dụng: lau, thấm hút dung dịch</p> <p>2. Đặc điểm, thành phần</p>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mỏng, thâm hút tốt</li> <li>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</li> <li>4. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</li> </ul>
		<b>Gói 3. Hoá chất, sinh phẩm, vật tư giải trình tự gen vi rút SARS-CoV2</b>
1	Kit tổng hợp cDNA	<p>1. Mô tả Kit tổng hợp cDNA là một hỗn hợp tổng thể phản ứng được thiết kế để tổng hợp cDNA nhanh, nhạy và có thể tái tạo trong các ứng dụng RT-qPCR.PCR hiệu quả</p> <p>2. Thành phần: + Master Mix, 200 µL + Master Mix 'No RT' Control, 200 µL + Nuclease-free water, 1.25 mL</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p> <p>4. Điều kiện bảo quản: -5°C đến -30°C</p>
2	Kit phản ứng hiệu suất cao dùng cho chạy phân ứng PCR	<p>1. Mục đích sử dụng: Kit phản ứng hiệu suất cao là một hỗn hợp dùng cho chạy phản ứng PCR</p> <p>2. Đặc điểm thành phần: Q5 High-Fidelity 2X Master Mix</p> <p>3. Bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: 24 tháng</p>
3	Kit giải trình tự NGS cho virus SARS-CoV-2	<p>1. Mục đích sử dụng: Giải trình tự NGS cho virus SARS-CoV-2 trên hệ thống máy Illumina</p> <p>2. Đặc điểm thành phần: Gồm có: LunaScript RT SuperMix, Q5 Hot Start High-Fidelity 2X Master Mix, NEBNext Ultra II™ End Prep Enzyme Mix, NEBNext Ultra II End Prep Buffer, NEBNext Ultra II Ligation Master Mix, NEBNext Library PCR Master Mix, 0.1X TE, Nuclease-free Water, NEBNext ARTIC SARS-CoV-2 Primer Mix 1/2, NEBNext ARTIC Human Control Primer Pairs 1/2, NEBNext Sample Purification Beads</p> <p>3. Bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</p>
4	Kit chạy PCR đặc hiệu bằng ánh sáng xanh	<p>1. Mô tả Kit chạy PCR độ đặc hiệu bằng ánh sáng xanh là hỗn hợp đã sẵn sàng sử dụng của DNA polymerase, muối, magiê và dNTP để khuếch đại PCR hiệu quả</p> <p>2. Thành phần: - 10 x 1.25 mL Platinum SuperFi II Green PCR Master Mix</p>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 x 1.25 mL water, nucleic-free3. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</li> <li>4. Điều kiện bảo quản: -5°C đến -30°C</li> </ul>
5	Kit chuẩn bị thư viện DNA	<p>1. Mục đích: Bộ kit chuẩn bị thư viện sẵn sàng cho quá trình giải trình tự để nghiên cứu đổi tượng có kích thước genome nhỏ (ví khuẩn, virus), đoạn DNA đích hoặc plasmid cho máy giải trình tự thế hệ mới</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian chuẩn bị thư viện: 90 phút</li> <li>- Cơ chế cắt nhô DNA bằng enzyme; mẫu đồng thời vừa được cắt nhô và được gắn đuôi để kết hợp với trình tự adapter sau đó.</li> </ul> <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>
6	Kit chạy máy giải trình tự gen cho máy MiSeq	<p>1. Mục đích: Thuốc thử giải trình tự MiSeq trong các cartridge sẵn sàng sử dụng</p> <p>2. Mô tả</p> <p>Công suất đầu ra tối đa: 1.2 Gb Số đoạn đọc tối đa một lần chạy: Lên đến 15 triệu Loại axit nucleic: DNA, RNA Hóa chất dùng 01 lần, lượng hóa chất đủ cho giải trình tự đoạn dài 300 bp</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C và 4°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng</p>
7	Bộ kit giải trình tự NGS cho SARS-CoV-2	<p>1. Mục đích sử dụng: Bộ kit giải trình tự NGS cho SARS-CoV-2 trên hệ thống máy Oxford Nanopore Technologies</p> <p>2. Đặc điểm thành phần:</p> <p>LunaScript RT SuperMix, Q5 Hot Start High-Fidelity 2X Master Mix, NEBNEXT Ultra II End Prep Enzyme Mix, NEBNEXT Ultra II End Prep Buffer, Blunt/T4 DNA Ligase, NEBNEXT Quick T4 DNA Ligase, NEBNEXT Quick Ligation Reaction Buffer, Nuclease-free Water, NEBNEXT ARTIC SARS-CoV-2 Primer Mix 1/2, NEBNEXT ARTIC Human Control Primer Pairs 1/2, NEBNEXT Sample Purification Beads</p> <p>3. Bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</p>
8	Nước dùng cho sinh học phân tử	<p>1. Mô tả: Nước tinh khiết tiệt trùng đã khử ngoại nhiễm RNase &amp; DNase, xử lý bằng DEPC Phù hợp cho các công việc nghiên cứu về RNA.</p>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
9	Muối dệm điện di Tris-acetate-EDTA 50X	<p>2. Bảo quản: Nhiệt độ thường 3. Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>1. Mục đích sử dụng: Muối dệm điện di Tris-acetate-EDTA được sử dụng để điện di axit nucleic trong gel agarose và polyacrylamide</p> <p>2. Đặc điểm, thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được lọc qua màng 0,22 µm</li> <li>- Có thể phân giải các đoạn RNA và DNA lớn hơn 1500 bp</li> <li>- Nồng độ: 50 X</li> <li>- Thành phần: 40 mM Tris, 20 mM acetic acid, 1 mM EDTA</li> </ul> <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng ≥ 6 tháng</p>
10	NaOH	<p>1. Mục đích sử dụng: Hóa chất Sodium hydroxide dùng trong phòng thí nghiệm</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- NaOH: ≥ 99%; Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>: ≤ 1.0%; CL: ≤ 0.012%; PO<sub>4</sub>: ≤ 0.0005%; SiO<sub>2</sub>: ≤ 0.001%; SO<sub>4</sub>: ≤ 0.010%; N: ≤ 0.0003%; Kim loại nặng (Như Pb) ≤ 0.0005%; Al: ≤ 0.0005%; As: ≤ 0.0001%; Ca: ≤ 0.0005%; Cu: ≤ 0.0002%; Fe: ≤ 0.0005%; K: ≤ 0.050%; Mg: ≤ 0.0005%; Ni: ≤ 0.00025%; Pb: ≤ 0.0005%; Zn: ≤ 0.001%</li> </ul> <p>3. Bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng ≥ 6 tháng</p>
11	Tube 0.5ml cho máy đo huỳnh quang	<p>1. Mô tả: Sử dụng cho máy đo huỳnh quang Qubit</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: polypropylen</li> <li>- Thể tích: 500UL</li> </ul> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không có</p>
12	Ông Cryogenic 2ml	<p>1. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ông Cryogenic 2ml có nắp vặn, đáy tròn, có thể tự đứng được.</li> <li>+ Ông bằng vật liệu polypropylene chịu được nhiệt độ đến -196 ° C</li> <li>+ Khử trùng bằng bức xạ gamma</li> <li>+ Không gây dị ứng và không có DNase / RNase</li> <li>+ Chân đế ông có khe giúp giữ chặt vào giá và khay đông lạnh.</li> <li>+ Thân ông có vạch chia thể tích</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
		2. Điều kiện bảo quản: 20-25°C 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng
13	Sinh phẩm định lượng nồng độ ADN chuỗi đôi, sử dụng trên máy Qubit 4.0	1. Mục đích: Sử dụng cho máy đo huỳnh quang Qubit 2. Mô tả: - Phạm vi định lượng: 0,2-100 ng - Loại mẫu: dsDNA 3. Điều kiện bảo quản: 2 – 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng
<b>Gói 4. Sinh phẩm, hóa chất cho xét nghiệm miến dịch té bào SARS-CoV-2</b>		
1	Kháng thể CD4 gắn màu Vioblue	1. Mục đích sử dụng: Đếm té bào biểu hiện CD4 2. Đặc điểm, thành phần - Clone: REA623 - Loại clone: đơn dòng - Isotype: IgG1 người tái tổ hợp - Đóng gói: 100 phần ứng 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: 10 tháng
2	Kháng thể CD197 gắn màu FITC	1. Mục đích sử dụng: Đếm té bào biểu hiện CD4 2. Đặc điểm, thành phần - Clone: REA546 - Loại clone: đơn dòng - Isotype: IgG1 người tái tổ hợp - Đóng gói: 100 phần ứng 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: 10 tháng
3	Hóa chất kích hoạt té bào T, PepTivator SARS-CoV-2 Prot_S	1. Mục đích sử dụng: Dùng cho kích hoạt T 2. Đặc điểm, thành phần - Chứa 6 nmol/peptide PepTivator SARS-CoV-2 Prot_S B.1.351 Mutation Pool - Nhóm 30 peptides chứa tất cả 10 đột biến của protein gai S trong SARS-CoV-2 biến đổi B.1.351.

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
	B.1.351 Mutation Pool	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích hoạt <math>1 \times 10^8</math> tế bào</li> <li>- Peptivator mang trình tự đột biến vùng S biến chủng Nam Mỹ</li> <li>- Gồm 15 phân tử với 11 amino axit trùng nhau</li> <li>3. Bảo quản: -20°C</li> <li>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</li> </ul>
4	Hóa chất kích hoạt té bào T, PepTivator SARS-CoV-2 Prot_S B.1.351 WT Reference Pool	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích sử dụng: Dùng cho kích hoạt T</li> <li>2. Đặc điểm, thành phần           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứa 6 nmol/peptide PepTivator SARS-CoV-2 Prot_S B.1.351 WT Reference Pool</li> <li>- Kích hoạt <math>1 \times 10^8</math> té bào</li> <li>- Peptivator mang trình tự đột biến vùng S biến của dòng SARS-CoV-2 B.1.351</li> <li>- Nhóm 30 trình tự peptide tương đồng của trình tự chủng từ Wuhan, đóng vai trò như một đối chứng</li> <li>- Gồm 15 phân tử với 11 amino axit trùng nhau</li> </ul> </li> <li>3. Bảo quản: -20°C</li> <li>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</li> </ol>
5	Kit ELISpot định lượng Human IFNY ELISpot BASIC kit (ALP) -sử dụng cho 4 đĩa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích sử dụng: Sử dụng đánh giá đêm số lượng té bào tiết IFN-γ</li> <li>2. Đặc điểm, thành phần           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng cho 4 đĩa</li> <li>- Bao gồm:</li> <li>Capture mAb (1-D1K)</li> <li>Biotinylated detection mAb (7-B6-1)</li> <li>Streptavidin-ALP</li> <li>3. Bảo quản: 4-8°C</li> <li>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</li> </ul> </li> </ol>
6	Kit ELISpot định lượng Human IL-5 ELISpot BASIC kit (ALP) - sử dụng cho 4 đĩa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Mục đích sử dụng: Sử dụng đánh giá đêm số lượng té bào tiết IL-5</li> <li>2.Đặc điểm, thành phần           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng cho 4 đĩa</li> <li>- Bao gồm</li> <li>Capture mAb (TRFK5)</li> <li>Biotinylated detection mAb (5A10)</li> <li>Streptavidin-ALP</li> <li>3.Bảo quản: 4-8°C</li> <li>4.Hạn sử dụng: 12 tháng</li> </ul> </li> </ol>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
7	Kit sử dụng cho đánh giá kháng thể trung hòa SARSCoV2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Đánh giá tính trung hoà virus SAR-CoV-2</li> <li>- 2. Đặc điểm, thành phần</li> <li>- Sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương.</li> <li>- Được hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn trung hòa của WHO.</li> </ul> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đĩa 96 giếng (8 x 12 strip) đã được phủ trước protein ACE2 tái tổ hợp</li> <li>- Chúng dương: 1 ống (0,05 mL)</li> <li>- Chúng âm: 1 ống (0,05 mL)</li> <li>- HRP gắn RBD: 1 ống (0,02 mL)</li> <li>- Dụng pha loãng HRP: 1 lọ (10 mL)</li> <li>- Dụng pha loãng mẫu: 1 lọ (30 mL)</li> <li>- Dung dịch rửa 20x: 1 lọ (40 mL)</li> <li>- Dung dịch TMB: 1 lọ (12 mL)</li> <li>- Dung dịch dừng: 1 lọ (6 mL)</li> <li>- Miếng bọc đĩa: 2 chiếc</li> </ul> <p>3. Hạn sử dụng: 12 tháng</p> <p>4. Bảo quản: 2-8°C</p>
8	Dung dịch Ficoll Paque Plus, sử dụng cho tách tế bào bạch cầu đơn nhân từ mẫu máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích sử dụng: sử dụng cho tách tế bào bạch cầu đơn nhân từ mẫu máu ngoại vi</li> <li>2. Đặc điểm, thành phần</li> <li>- Nồng độ endotoxin &lt;0,12 EU/mL</li> <li>- Dùng tách tế bào lymphocyte từ máu ngoại vi</li> <li>- Tỷ trọng 1,077 g/mL</li> <li>- Gồm 6 chai dung tích 100mL</li> </ul> <p>3. Bảo quản: 4-30°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: 18 tháng</p>
9	Môi trường nuôi cây tế bào RPMI 1640, được sản xuất với L-glutamine, sử dụng cho tế bào llop đơn liên tục mL	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích sử dụng: sử dụng cho nuôi cây tế bào trong nghiên cứu và sản xuất</li> <li>2. Đặc điểm, thành phần</li> <li>- Chứa L-Glutamine</li> <li>- Vô trùng</li> <li>- Môi trường được hydrat hóa bằng cách sử dụng nước đã qua xử lý tinh khiết và được lọc qua màng lọc 0,1 µm.</li> </ul> <p>Mỗi trường được sản xuất trong các cơ sở tuân thủ cGMP (21 CFR 820) và được chứng nhận ISO9001.</p>

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường bao gồm glucose và axit amin nhung không bao gồm protein, lipid hoặc các yếu tố tăng trưởng</li> <li>3. Bảo quản: 2-8°C , tránh sáng</li> <li>4. Hạn sử dụng: 6 tháng</li> </ul>
10	Bột pha môi trường RPMI 1640, được sản xuất với L-glutamine	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích sử dụng: sử dụng cho nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu và sản xuất</li> <li>2. Đặc điểm, thành phần           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu L-Glutamine , không chứa Sodium bicarbonate</li> <li>- Được sản xuất trong các cơ sở tuân thủ cGMP (21 CFR 820) và được chứng nhận ISO9001 hoặc tương đương</li> <li>- Pha được 10 Lít môi trường</li> </ul> </li> <li>3. Bảo quản: 2-8°C , tránh sáng</li> <li>4. Hạn sử dụng: 24 tháng</li> </ul>
11	Dung dịch Dimethyl sulfoxide, sử dụng cho bảo quản té bào trong môi trường âm sâu (nitro lỏng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích sử dụng: bảo quản té bào</li> <li>2. Đặc điểm , thành phần           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã lọc vô trùng</li> <li>- Chứng nhận BioPerformance Certified, đáp ứng các thông số EP, USP</li> </ul> </li> <li>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</li> <li>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</li> </ul>
12	Dung dịch kháng sinh, kháng nấm, sử dụng để bổ sung vào dung dịch nuôi cấy tế bào, 100ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích sử dụng: bổ sung vào dung dịch nuôi cấy tế bào để tránh nhiễm vi sinh vật và nấm</li> <li>2. Đặc điểm , thành phần           <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu 10,000 đơn vị penicillin; 10,000 µg streptomycin, và 25 µg Amphotericin B trên mL</li> <li>3. Bảo quản: Nhiệt độ đóng đá</li> <li>4. Hạn sử dụng: 12 tháng</li> </ul> </li> </ul>